



DOI:10.22144/ctujos.2023.163

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VAY ĐÚNG HẠN CỦA HỘ NUÔI TÔM Ở TỈNH BẠC LIÊU

Tăng Thị Ngân¹, Nguyễn Minh Tân^{2*} và Nguyễn Tấn Hưng²

¹Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

²Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Minh Tân (email: nmtan@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 22/02/2023

Ngày nhận bài sửa: 05/04/2023

Ngày duyệt đăng: 13/04/2023

Title:

Factors affecting loan repayment ability on time of shrimp farmers in Bac Lieu province

Từ khóa:

Đúng hạn, hộ nuôi tôm, khả năng trả nợ, tỉnh Bạc Liêu

Keywords:

Bac Lieu Province, on time, repayment ability, shrimp farmers

ABSTRACT

This study aims to analyze factors affecting loan repayment ability on time of shrimp farmers in Bac Lieu. Research data is based on a survey of 210 shrimp farmers in this area. Heckman's two-step model is used to estimate influencing factors. The analysis results show that factors affecting loan repayment ability on time of shrimp farmers include: the number of dependent members in the family, total loan amount, number of farming crops, total assets, and purpose of capital use loans and shrimp farming experience.

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm ở tỉnh Bạc Liêu. Dữ liệu nghiên cứu được thực hiện dựa trên cuộc khảo sát ý kiến từ 210 hộ nuôi tôm trên địa bàn nghiên cứu. Mô hình hồi qui hai bước của Heckman được sử dụng để ước lượng các nhân tố ảnh hưởng. Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm, bao gồm: số người phụ thuộc, tổng lượng vốn vay, số vụ nuôi, tổng tài sản, mục đích sử dụng vốn vay và kinh nghiệm nuôi tôm. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cho thấy, các yếu tố: trình độ học vấn, tổng tài sản, số lần đảo hạn và diện tích nuôi tôm ảnh hưởng đến số tiền trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

1. GIỚI THIỆU

Bạc Liêu là một trong những địa phương có diện tích nuôi tôm lớn thuộc top đầu ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Những năm gần đây, Bạc Liêu còn được Chính phủ chọn là thủ phủ tôm của cả nước. Diện tích và sản lượng nuôi tôm lớn là thế mạnh phát triển kinh tế của tỉnh, đóng vai trò quan trọng trong việc tăng kim ngạch xuất khẩu, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Để đạt được mục tiêu trên, nguồn vốn vay là rất cần thiết cho hộ nuôi tôm. Mặc dù hiện nay hộ nuôi tôm có điều kiện tiếp cận vốn vay tốt hơn do có

chính sách liên kết giữa hộ nuôi tôm và doanh nghiệp theo hướng bền vững. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hộ khó tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng nhằm phục vụ cho việc nuôi tôm, do chưa trả được nợ cũ mà chỉ được “vay mới trả cũ” nên thiếu vốn đầu tư nuôi tôm, đó còn chưa kể vốn vay hạn chế, không đáp ứng yêu cầu sản xuất của nông hộ. Trên thực tế cho thấy, các hộ nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu sử dụng vốn vay gặp rất nhiều rủi ro như: điều kiện thời tiết, bệnh dịch tôm chết hàng loạt, sử dụng vốn vay không đúng mục đích như chữa bệnh, nuôi con đi học, hiếu hi,... các nhân tố đó ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay, dẫn

đến khả năng trả nợ không đúng kỳ hạn. Tuy nhiên, việc nông hộ trả nợ đúng hạn hay không đối với các tổ chức tín dụng chính thức là rất quan trọng, nhằm xem xét về tình trạng nợ xấu của khách hàng. Hộ nuôi tôm cần có những giải pháp sử dụng vốn vay đúng mục đích, đạt hiệu quả sản xuất, hạn chế tình trạng trở thành khách hàng có nợ xấu để nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn vay tốt hơn. Vì vậy, bài viết này được thực hiện nhằm đưa ra những giải pháp hỗ trợ về vốn cho hộ nuôi tôm trong quá trình sản xuất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, cải thiện đời sống gia đình nông hộ trên địa bàn tỉnh.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan tài liệu

Các nông hộ nói chung, trong đó có các hộ nuôi tôm sau khi vay vốn thì việc sử dụng đồng vốn đó như thế nào và có hiệu quả hay không là một vấn đề, bởi vì khi sử dụng vốn hiệu quả sẽ góp phần quan trọng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn (KNTNĐH). Vấn đề này đã được một số tác giả trong và ngoài nước phân tích. Theo Kim (1978), kết quả phân tích hồi quy hai bước đối với cỡ mẫu 207 nông hộ được khảo sát ở Hàn Quốc cho thấy khả năng trả nợ vay (KNTNV) của nông hộ tại miền nam, Hàn Quốc bị ảnh hưởng bởi trình độ học vấn, tuổi của chủ hộ và số người phụ thuộc trong gia đình của hộ. Trong đó, số hộ trả nợ vay trễ hạn chiếm 37,68% trên tổng số hộ được khảo sát. Bên cạnh đó, Oke et al. (2007) phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến KNTNV của hộ cho các tổ chức tín dụng vi mô ở Tây Nam Nigeria. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy tuyến tính cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đáng kể bao gồm: thu nhập, số tiền vay, số tiền đầu tư kinh doanh và số ngày gửi đơn xin vay vốn đến lúc giải ngân. Ngoài ra, Afolabi (2010) nghiên cứu về KNTNV của những nông hộ có quy mô sản xuất nhỏ ở bang Oyo State, Nigeria. Kết quả ước lượng bình phương bé nhất (ordinary least squares – OLS) được sử dụng và cho thấy, các nhân tố: lượng vốn vay, quy mô sản xuất, lãi suất và thu nhập phi nông nghiệp ảnh hưởng đến KNTNV của nông hộ. Mặt khác, Lộc và Bình (2011) cho thấy, khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ ở Hậu Giang có tương quan tỷ lệ thuận với thu nhập sau khi vay và số thành viên trong gia đình có thu nhập. Ngoài ra, nghiên cứu còn chỉ ra rằng trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì KNTNĐH của họ càng cao. Nghiên cứu cũng cho thấy, những hộ đi vay vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp cao hơn những hộ vay sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp. Trịnh và Kỳ (2012) đã thực

hiện nghiên cứu liên quan đến việc trả nợ vay đúng hạn khi vay vốn chính thức của nông hộ tại thành phố Cần Thơ. Kết quả ước lượng mô hình Probit cho thấy, lãi suất vay vốn tỷ lệ nghịch với khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ, còn các nhân tố mục đích sử dụng vốn vay, thu nhập của hộ trong năm và số thành viên có thu nhập trong gia đình có ảnh hưởng tỷ lệ thuận với KNTNĐH của nông hộ. Bên cạnh đó, Nghi (2013) đã thực hiện nghiên cứu về KNTNĐH của nông hộ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, nhân tố trình độ học vấn chủ hộ, thu nhập hàng tháng của nông hộ, số lần tiếp xúc giữa chủ hộ và ngân hàng, mục đích sử dụng vốn vay và khả năng tiếp cận thông tin thị trường tương quan thuận với KNTNĐH của nông hộ. Ngược lại, các nhân tố số người phụ thuộc của nông hộ và lãi suất vốn vay tỷ lệ nghịch với KNTNĐH của nông hộ.

2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Số liệu sơ cấp sử dụng cho đề tài được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 210 hộ nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Những hộ này được chọn từ danh sách khách hàng vay vốn của các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Tác giả chọn hai ngân hàng có cho hộ vay nuôi tôm nhiều nhất, đó là Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Bạc Liêu. Cụ thể, từ danh sách khách hàng vay vốn để nuôi tôm của hai ngân hàng nêu trên, phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản bằng hàm Random trên Excel được sử dụng để chọn ra những hộ cần khảo sát. Những khách hàng được chọn ra có địa chỉ thuộc các địa bàn như thị xã Giá Rai, huyện Đông Hải, huyện Hòa Bình và huyện Phước Long.

Kích cỡ mẫu khảo sát được xác định theo Tabachnick & Fidell (1996), cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được tính theo công thức là $n = 50 + 8 * m$ (m: số biến độc lập). Mô hình nghiên cứu được đề xuất với 12 biến độc lập (phương trình 3). Do đó, cỡ mẫu cần thiết của nghiên cứu là 154 quan sát. Tuy nhiên, để đảm bảo tính đại diện, nghiên cứu này tiến hành khảo sát 210 hộ với số lượng phiếu khảo sát được phân bổ như sau: thị xã Giá Rai 60 hộ, huyện Đông Hải 50 hộ, huyện Hòa Bình 50 hộ và huyện Phước Long 50 hộ.

2.3. Phương pháp phân tích

Dữ liệu khảo sát bao gồm cả những hộ trả nợ vay đúng hạn và không đúng hạn. Nếu chỉ ước lượng mô hình hồi quy với các biến quan sát là những hộ “trả nợ vay đúng hạn” thì mô hình hồi quy chưa phản ánh chính xác các nhân tố giải thích tại sao có một

số hộ nuôi tôm trả nợ vay không đúng hạn. Việc bỏ qua nhóm những hộ trả nợ vay trễ hạn sẽ làm tham số ước lượng hồi quy thu được từ mẫu bị chệch và phản ánh sai mức độ tác động của các nhân tố đến số tiền trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm tại Bạc Liêu. Để khắc phục nhược điểm này, mô hình hồi quy hai bước của Heckman (1979) được sử dụng để ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến KNTNĐH của hộ nuôi tôm tại Bạc Liêu.

Hai tiêu chí đánh giá KNTNĐH của hộ nuôi tôm là khả năng trả nợ vay đúng hạn và số tiền trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm.

*** Bước 1: Mô hình ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến KNTNĐH của hộ nuôi tôm ở tỉnh Bạc Liêu**

Bước thứ nhất trong mô hình hồi quy của Heckman (1979) là sử dụng mô hình xác suất để ước lượng giá trị biến phụ thuộc dựa trên KNTNĐH hay không đúng hạn của hộ nuôi tôm. Mô hình có dạng:

$$P = F(\alpha + \beta X) = \frac{1}{1 + e^{-(\alpha + \beta X)}} \quad (1)$$

Để ước lượng mô hình này ta chuyển về dạng tuyến tính như sau:

$$Y_{\text{TNDH}} = \alpha + \beta_i X_i + \omega_i \quad (2)$$

Trong đó:

Y_{TNDH} : Biến phụ thuộc, nhận hai giá trị:

$Y_{\text{TNDH}} = 1$, hộ nuôi tôm thứ i trả nợ vay đúng hạn

$Y_{\text{TNDH}} = 0$, trường hợp khác

α : Hệ số chặn

β_i : Hệ số hồi quy ($i = 1, n$)

X_i : Là các biến độc lập

ω : Sai số

Bảng 1. Diễn giải các biến độc lập được sử dụng trong mô hình Probit

Biến số	Diễn giải biến	Nguồn
$GIOITINH (X1)$	Biến giả, là 1 nếu chủ hộ là nam, là 0 nếu chủ hộ là nữ	Đề xuất của tác giả
$TRINHDO (X2)$	Học vấn của chủ hộ được tính bằng số năm đi học của chủ hộ	Kim (1978), Lộc và Bình (2011), Nghi (2013)
$PHUTHUOC (X3)$	Số thành viên phụ thuộc trong hộ nuôi tôm (người)	Kim (1978), Lộc và Bình (2011), Trịnh và Kỳ (2012)
$THUNHAP (X4)$	Tổng thu nhập của tất cả các cá nhân trong hộ sau khi vay (triệu đồng/tháng)	Oke et al. (2007), Afolabi (2010), Lộc và Bình (2011), Trịnh và Kỳ (2012), Nghi (2013)
$TONGTS (X5)$	Tổng giá trị tài sản của hộ (triệu đồng)	Afolabi (2010)
$VONVAY (X6)$	Là số tiền mà hộ vay từ ngân hàng (triệu đồng)	Oke et al. (2007), Afolabi (2010)
$LAISUAT (X7)$	Lãi suất phải trả của hộ khi đi vay từ các ngân hàng (%/tháng)	Afolabi (2010), Trịnh và Kỳ (2012)
$TGIANVAY (X8)$	Là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi được thoả thuận trong Khế ước nhận nợ (tháng)	Oke et al. (2007)
$KNGHIEM (X9)$	Số năm hộ bắt đầu nuôi đến thời điểm hiện tại (năm)	
$SOVU (X10)$	Số vụ nuôi/năm	
$HTNUOI (X11)$	Biến giả, là 1 nếu nuôi công nghiệp, là 0 nếu nuôi khác	
$TSLNHUAN (X12)$	Tỷ suất lợi nhuận/tổng doanh thu của hộ (%)	

Dựa trên cơ sở lý thuyết, các nghiên cứu thực nghiệm, kết quả được tổng hợp lại và đưa ra các giả định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm với mô hình cụ thể có dạng như sau:

$$KNTNĐH = \alpha + \beta_1 X1 + \beta_2 X2 + \beta_3 X3 + \beta_4 X4 + \beta_5 X5 + \beta_6 X6 + \beta_7 X7 + \beta_8 X8 + \beta_9 X9 + \beta_{10} X10 + \beta_{11} X11 + \beta_{12} X12 \quad (3)$$

Trong đó :

Biến phụ thuộc $Y = KNTNDH$ là biến đo lường khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm tại Bạc Liêu. Y nhận giá trị 1 nếu hộ nuôi tôm trả nợ vay đúng hạn, 0 nếu trường hợp khác.

Các biến độc lập (X): được biểu diễn theo tên biến và cách thức đo lường ở Bảng 1.

*** Bước 2: Mô hình ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến số tiền trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm:** Trong trường hợp này khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm được đo lường bằng số tiền trả nợ đúng hạn cho các tổ chức tín dụng chính thức. Để ước lượng số tiền mà hộ nuôi tôm trả đúng hạn cho các tổ chức tín dụng, phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất (OLS) được sử dụng ở bước thứ 2 trong mô hình của Heckman. Tuy nhiên, để loại bỏ những quan sát là những hộ không trả nợ vay đúng hạn hay số tiền trả nợ vay đúng hạn bằng 0 và khắc phục được tình trạng dấu kỳ vọng không đúng như ban đầu của mô hình Tobit, phương pháp hồi quy lựa chọn mẫu Heckman (Heckman selection model) được sử dụng.

Mô hình ước lượng OLS được trình bày dạng như sau:

$$Y_{STTN} = \alpha + \beta_i X_i + \omega_i \tag{4}$$

Trong đó:

Y_{STTN} : Biến phụ thuộc

α : Hệ số chặn

β_i : Hệ số hồi quy ($i = 1, n$)

X_i : Là các biến độc lập

ω : Sai số

Dựa trên cơ sở lý thuyết, các nghiên cứu thực nghiệm, kết quả được tổng hợp lại và đưa ra các giả định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm với mô hình cụ thể dạng như sau :

$$SOTIEN = \alpha + \beta_1 TRINHDO + \beta_2 PHUTHUOC + \beta_3 THUNHAP + \beta_4 TSAN + \beta_5 DAOHAN + \beta_6 DTDSXUAT + \beta_7 LIENKETSX \tag{5}$$

Trong đó :

Biến phụ thuộc $Y_{STTN} = SOTIEN$ là số tiền trả nợ đúng hạn (đơn vị tính là triệu đồng) mà hộ nuôi tôm thứ i trả cho các tổ chức tín dụng chính thức.

Các biến độc lập (X): được biểu diễn theo tên biến và cách thức đo lường ở Bảng 2.

Bảng 2. Diễn giải các biến độc lập trong mô hình Hồi quy tuyến tính

Biến số	Diễn giải biến	Nguồn
$TRINHDO$ (X1)	Số năm chủ hộ đi học (năm)	Kim (1978)
$PHUTHUOC$ (X2)	Số thành viên phụ thuộc trong hộ nuôi tôm (người)	
$THUNHAP$ (X3)	Thu nhập của hộ nuôi tôm trong năm (triệu đồng/tháng)	Oke et al. (2007) Afolabi (2010)
$TSAN$ (X4)	Tổng giá trị tài sản của hộ nuôi tôm, bao gồm máy móc, thiết bị, gia súc, gia cầm, thủy hải sản khác và tiền gửi tiết kiệm (triệu đồng)	Kim (1978)
$DAOHAN$ (X5)	Số lần đáo hạn ngân hàng của hộ nuôi tôm (lần)	Kim (1978)
$DTDSXUAT$ (X6)	Diện tích đất mà hộ nuôi tôm sử dụng cho hoạt động nuôi tôm (ha)	Kim (1978); Afolabi (2010)
$LIENKETSX$ (X7)	Biến giả, liên kết trong sản xuất với cá nhân hay hộ gia đình khác (có =1; khác = 0)	

Tóm lại, phương pháp hồi quy Heckman hai bước có một số ưu điểm nổi bật như cho phép sử dụng thông tin từ những hộ trả nợ vay trễ hạn để cải thiện giá trị ước lượng của các thông số trong mô hình hồi quy (Gujarati, 1995, trích bởi Oánh & Dung, 2010). Đối với nghiên cứu này, mô hình hồi quy Heckman sẽ đánh giá được tại sao một số hộ nuôi tôm trả nợ vay đúng hạn, một số hộ nuôi tôm khác thì không trả được nợ vay đúng hạn. Đồng thời,

kết quả mô hình còn giải thích được tại sao một số hộ trả đúng hạn số tiền vay nhiều, một số hộ trả đúng hạn với số tiền ít hơn. Bên cạnh đó, mô hình còn cho biết các thông số kiểm tra mức độ phù hợp của mô hình và mức độ tác động của các biến độc lập đến biến phụ thuộc được tách ra.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm về nhân khẩu học của hộ nuôi tôm

Những thông tin sau mô tả về đặc điểm nhân khẩu học của hộ nuôi tôm tại Bạc Liêu được thể hiện qua Bảng 3.

Giới tính của đối tượng khảo sát phần lớn là nam, cụ thể hơn chủ hộ là nam có 184 người và chiếm tỷ lệ là 87,62%; nữ là 26 người chiếm tỷ lệ 12,38%.

Kết quả Bảng 4 cho thấy tuổi của đối tượng khảo sát tương đối trẻ, trình độ không cao và đều nhau,

Bảng 4. Mô tả đặc điểm về tuổi, trình độ, kinh nghiệm của chủ hộ

Chỉ tiêu	Quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Tuổi	210	40,92	9,48	25	80
Trình độ (Số năm đi học)	210	9,32	3,46	0	17
Kinh nghiệm (Số năm)	210	9,43	5,90	1	30

3.2. Thực trạng về hoạt động nuôi tôm của nông hộ tại Bạc Liêu

Thực trạng về hoạt động nuôi tôm của nông hộ tại Bạc Liêu giai đoạn 2020 - 2022 được thể hiện qua Bảng 5.

Kết quả khảo sát cho thấy diện tích nuôi của hộ tương đối đều nhau và ở mức thấp, số vụ nuôi cũng tương tự và điều này hoàn toàn phù hợp thực tế, do

Bảng 5. Thực trạng nuôi tôm của nông hộ

Chỉ tiêu	Quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Diện tích nuôi tôm (ha)	210	2,00	1,46	0,1	10
Số vụ nuôi tôm (vụ/năm)	210	2,01	0,78	1	4
Thời gian nuôi (tháng/vụ)	210	4,54	1,31	2	9
Sản lượng (tấn/năm)	210	2,96	2,66	0,08	16

3.3. Thực trạng về trả nợ vay của hộ nuôi tôm

Tình hình trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm tại Bạc Liêu được thể hiện qua Bảng 6.

Bảng 6. Khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ

Khả năng trả nợ	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Trả nợ đúng hạn	142	67,62
Trả nợ trễ hạn	68	32,38
Tổng	210	100,00

Kết quả từ Bảng 6 cho thấy KNTNĐH của các hộ nuôi tôm tại Bạc Liêu tương đối tốt, cụ thể có 142 hộ trả nợ vay đúng hạn chiếm tỷ lệ là 67,62%; còn lại chỉ có 68 hộ trả nợ vay không đúng hạn và chiếm tỷ lệ là 32,38%. Nguyên nhân dẫn đến trả nợ trễ hạn của các hộ nuôi tôm phần lớn do nuôi không đạt sản

lượng và bán không được giá, dẫn đến tình trạng thu nhập của hộ giảm ảnh hưởng đến KNTNĐH của các hộ.

Bảng 3. Đặc điểm về giới tính

Giới tính	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Nữ	26	12,38
Nam	184	87,62
Tổng	210	100

thông thường các hộ nuôi thả tôm giống cùng thời điểm và các vụ mùa giống nhau, mặc dù có số ít hộ tham gia trong vụ này hay vụ khác. Thời gian nuôi tùy thuộc vào con giống nhưng đa phần là giống nhau. Do đó, sản lượng thu hoạch được tương đối giống nhau và phần lớn ở mức thấp. Nguyên nhân có thể là do các hộ nuôi theo hình thức tự nhiên với sản lượng không cao và những hộ nuôi công nghiệp bị thất mùa nên không đạt sản lượng.

lượng và bán không được giá, dẫn đến tình trạng thu nhập của hộ giảm ảnh hưởng đến KNTNĐH của các hộ.

3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ nuôi tôm tại Bạc Liêu

Kết quả ước lượng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm được trình bày ở Bảng 7.

Kết quả ước lượng cho thấy giá trị kiểm định Wald của mô hình có $P = 0,000$ rất nhỏ so với $\alpha = 1\%$, điều này cho phép ta bác bỏ giả thuyết H_0 ở mức ý nghĩa 1%, có nghĩa là các yếu tố trong mô hình có thể được sử dụng để giải thích cho KNTNĐH của hộ nuôi tôm tỉnh Bạc Liêu. Hay nói cách khác, mô hình được sử dụng là phù hợp.

Bảng 7. Kết quả ước lượng bước 1 của mô hình Heckman

Biến	Hệ số	Sai số chuẩn	P
Giới tính	-0,771	0,498	0,103
Trình độ học vấn	0,057	0,043	0,145
Số thành viên phụ thuộc trong gia đình	-0,605	0,190	0,001***
Thu nhập/tháng	-0,000	0,001	0,522
Tổng tài sản	0,002	0,001	0,070*
Tổng vốn vay	-0,006	0,002	0,005***
Lãi suất tháng	-3,553	9,444	0,707
Thời gian vay	0,120	0,133	0,348
Kinh nghiệm nuôi tôm	0,047	0,027	0,063*
Số vụ nuôi	-0,601	0,206	0,003***
Hình thức nuôi	-0,497	0,345	0,152
Tỷ suất lợi nhuận	0,389	0,257	0,131
Hệ số tự do	2,138	1,174	0,068
Wald chi2(7)		165,040	
Prob > chi2		0,000	

Ghi chú: *, **, *** tương ứng với các mức ý nghĩa 10%; 5% và 1%

Bảng 7 cho thấy trong 13 biến đưa vào mô hình nghiên cứu có 05 biến có ý nghĩa thống kê ở các mức ý nghĩa 1% và 10%. Cụ thể, các biến có ý nghĩa thống kê ở mức 10% bao gồm biến tổng tài sản và biến kinh nghiệm nuôi tôm của hộ. Các biến còn lại có ý nghĩa thống kê ở mức 1% như: số người phụ thuộc, tổng vốn vay và số vụ nuôi. Trong 05 biến tác động có ý nghĩa thống kê nêu trên, có 03 biến tác động nghịch chiều với KNTNĐH của hộ nuôi tôm, đó là số thành viên phụ thuộc, tổng vốn vay và số vụ nuôi. Sự tác động nghịch chiều này tương đồng với các nghiên cứu trước đây. Cụ thể, biến số thành viên phụ thuộc (có dấu của tham số ước lượng là âm) tương đồng với các nghiên cứu của Kim (1978) và Nghi (2013), nhóm tác giả này cho rằng số người phụ thuộc trong gia đình tác động nghịch chiều với KNTNĐH của nông hộ. Thực tế khảo sát cũng cho thấy rằng, khi số người phụ thuộc trong gia đình tăng lên sẽ làm tăng thêm gánh nặng về tài chính cho chủ hộ vì những người phụ thuộc không tạo ra thu nhập nhưng lại sử dụng thu nhập từ gia đình vì thế nguồn thu nhập của gia đình bị giảm đi so với những hộ có số người phụ thuộc ít hơn hoặc không có người phụ thuộc, điều đó làm ảnh hưởng tiêu cực đến KNTNĐH. Bên cạnh đó, biến lượng vốn vay (có dấu của tham số ước lượng là âm) tương đồng với các nghiên cứu của Oke et al. (2007) và Afolabi (2010), các tác giả này cũng chứng minh rằng lượng vốn vay tác động nghịch chiều đến KNTNĐH của hộ. Thực tế tại địa bàn khảo sát cho thấy, những hộ vay nhiều thường là những hộ nuôi tôm theo hình thức nuôi công nghiệp, chi phí nuôi cao hơn hộ nuôi thiên nhiên nhưng lợi nhuận không cao hoặc có khi là lỗ, hoặc cũng có thể rơi vào trường hợp một số hộ nuôi thiên nhiên nhưng vốn vay sử dụng không đúng

mục đích, họ chỉ sử dụng một phần để nuôi tôm, phần vốn còn lại sử dụng cho mục đích khác. Điều đó dẫn đến tình trạng sử dụng vốn vay không hiệu quả, làm ảnh hưởng đến KNTNĐH của hộ. Ngoài ra, biến số vụ nuôi trong mô hình cũng tác động âm với KNTNĐH của hộ. Bởi vì, trong trường hợp nghiên cứu này, những hộ nuôi nhiều vụ trong năm thường tập trung vào những hộ nuôi công nghiệp, hoặc những hộ nuôi trong quá trình nuôi gặp thiên tai, dịch bệnh, do đó nuôi nhiều vụ nhưng sản lượng và năng suất lại thấp, làm ảnh hưởng đến KNTNĐH của hộ.

Hai biến tác động có ý nghĩa thống kê còn lại có dấu hệ số ước lượng cùng chiều với KNTNĐH của hộ đó là biến tổng tài sản và biến kinh nghiệm nuôi tôm của hộ. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Afolabi (2010), khi hộ vay có tài sản càng nhiều thì khả năng sử dụng vốn vay và tham gia hoạt động nuôi tôm sẽ dễ dàng và linh hoạt hơn, góp phần làm tăng thu nhập cho hộ, vì thế KNTNĐH của hộ cũng tăng. Ngoài ra, biến kinh nghiệm nuôi tôm của hộ có kết quả ước lượng phù hợp với đề xuất ban đầu của tác giả. Thực tế khảo sát các hộ nuôi tôm ở Bạc Liêu cho thấy, nếu chủ hộ có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý, chăm sóc ruộng tôm thì có thể phòng tránh được rủi ro do điều kiện thời tiết khí hậu gây ra, lựa chọn thời điểm thả giống và thu hoạch thích hợp nên ít bị tổn thất hơn, do đó lợi nhuận từ việc nuôi tôm cao hơn, vì thế những hộ này có KNTNĐH tốt hơn.

Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa các nhân tố đến số tiền trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm ở Bạc Liêu được ước lượng ở bước hai mô hình Heckman

với phương pháp hồi quy lựa chọn mẫu Heckman (Heckman selection model) được sử dụng.

Kết quả ước lượng thể hiện ở Bảng 8.

Kết quả ước lượng mô hình có chỉ số rho = 0,623 nghĩa là mức độ tương quan với OLS là 62,3%, kèm theo đó chỉ số sigma cũng có ý nghĩa thống kê.

Kết quả ở Bảng 7 cho thấy trong 07 biến đưa vào mô hình nghiên cứu có 04 biến tác động có ý nghĩa thống kê. Cụ thể, biến trình độ học vấn, biến số lần

đáo hạn và biến tổng tài sản có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Biến diện tích nuôi tôm có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Trong đó, biến số lần đáo hạn và diện tích nuôi tôm tác động nghịch chiều với số tiền TNVĐH của hộ. Các biến trình độ học vấn và tổng tài sản tác động cùng chiều với số tiền TNVĐH của hộ. Kết quả này phù hợp với kỳ vọng ban đầu và tương đồng với kết quả nghiên cứu của Kim (1978). Cụ thể, mức độ tác động của các biến đến số tiền TNVĐH của hộ như sau:

Bảng 8. Kết quả ước lượng bước 2 hồi quy lựa chọn mẫu Heckman

Biến	Hệ số	Sai số chuẩn	P
Trình độ học vấn	8,927	2,028	0,000***
Số thành viên phụ thuộc	-3,443	9,351	0,713
Thu nhập/tháng	0,002	0,060	0,978
Tổng tài sản	0,470	0,047	0,000***
Số lần đáo hạn	-24,684	7,100	0,001***
Diện tích nuôi tôm	-10,439	5,234	0,046**
Liên kết sản xuất	9,754	13,694	0,476
Hệ số tự do	5,634	29,901	0,851
Lambda	48,092	20,497	0,019**
rho		0,623	
sigma		77,172	

Ghi chú: *, **, *** tương ứng với các mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%

Biến trình độ học vấn, có hệ số ước lượng khá cao (8,927), điều này cho thấy trình độ học vấn tác động tích cực đến số tiền TNVĐH của hộ. Tiếp theo là biến tổng tài sản với hệ số ước lượng là 0,470. Điều này cho thấy, tổng tài sản tác động khá tốt đến số tiền trả nợ vay đúng hạn của hộ. Tuy nhiên, biến số lần đáo hạn và diện tích nuôi tôm lại tác động tiêu cực đến số tiền trả nợ vay đúng hạn của hộ. Cụ thể, biến số lần đáo hạn có hệ số ước lượng là -24,684. Thực tế cho thấy, hộ nuôi tôm có số lần đáo hạn ngân hàng nhiều tức là số lần vay ngân hàng của họ nhiều nhưng thực tế đây là các khoản “vay mới trả cũ”. Như vậy, số lần đáo hạn ngân hàng tăng thì số tiền TNVĐH càng ngày ít xuống. Bên cạnh đó, biến diện tích nuôi tôm có hệ số ước lượng là -10,439. Khi diện tích nuôi tôm càng nhiều thì lượng vốn vay phục vụ nhu cầu sản xuất càng cao, thêm vào đó nếu hiệu quả nuôi tôm không cao thì số tiền TNVĐH càng giảm đi.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ nuôi tôm tại Bạc Liêu gồm 6 yếu tố: *Số người phụ thuộc, Tổng lượng vốn vay, Số vụ nuôi, Tổng tài sản, Mục đích sử dụng vốn vay và Kinh nghiệm nuôi tôm*. Bên cạnh đó, có 5 yếu tố ảnh hưởng đến số tiền trả nợ vay

đúng hạn của hộ nuôi tôm gồm: *Trình độ học vấn, tổng tài sản, số lần đáo hạn và diện tích nuôi tôm của hộ*. Trên cơ sở này, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay góp phần trả nợ vay đúng hạn của hộ tốt hơn:

Thứ nhất, các hộ nuôi tôm cần mở rộng thêm một số loại hình sản xuất kinh doanh khác như: chăn nuôi gia súc, gia cầm; buôn bán nhỏ... nhằm tạo thêm nguồn thu nhập, cải thiện đời sống, giảm chi phí gia đình, từ đó góp phần nâng cao khả năng trả nợ vay ngân hàng cho hộ nuôi tôm. Thêm vào đó, hộ cần tiết kiệm chi phí gia đình, nâng cao hiệu quả nuôi tôm nhằm góp phần vào việc trả nợ vay đúng hạn.

Thứ hai, khi hộ nuôi tôm vay vốn, cán bộ tín dụng cần xem xét kỹ và tư vấn rõ về mục đích sử dụng vốn, cách thức sử dụng vốn nhằm đem lại hiệu quả cao. Đồng thời, hộ nuôi tôm cần tham khảo các cán bộ tín dụng về việc sử dụng vốn cho mục đích sản xuất kinh doanh như thế nào đem lại hiệu quả cao. Tránh tình trạng đồng vốn vay mang về sử dụng cho nhiều việc, khi việc cần chủ yếu thì lại thiếu vốn dẫn đến không đem lại hiệu quả.

Thứ ba, hộ nuôi không nên nuôi tôm nhiều vụ trong năm, do không đem lại lợi nhuận cao mà còn làm tăng chi phí, từ đó ảnh hưởng đến khả năng trả

nợ đúng hạn. Bên cạnh đó, các hộ nuôi tôm khi nuôi ở hình thức nuôi thiên nhiên, trong trường hợp số vụ nuôi tăng lên là do dịch bệnh phải nuôi lại hoặc chưa tới ngày thu hoạch lại nồn nóng thu hoạch sớm để nuôi vụ tiếp theo, từ đó ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng sản phẩm, nên bán không được giá làm giảm thu nhập cho hộ, góp phần làm giảm khả năng trả nợ vay đúng hạn cho hộ. Như vậy, các hộ nuôi tôm theo hình thức thiên nhiên cũng cần phải tìm hiểu kỹ thuật nuôi cho tốt đảm bảo chất lượng và số lượng đạt, hạn chế con giống bị chết và phải nuôi lại làm tăng chi phí nuôi và làm giảm thu nhập của hộ.

Thứ tư, hộ nuôi tôm cần bố trí và sử dụng nguồn tài sản cho đúng và phù hợp, tránh tình trạng đầu tư nhiều vào tài sản phục vụ vui chơi giải trí, dẫn đến làm giảm nguồn thu nhập cho hộ, làm giảm lượng tài sản của hộ ảnh hưởng xấu đến khả năng trả nợ vay ngân hàng của hộ. Vì vậy, các hộ nuôi tôm nên tăng tổng tài sản vào các lĩnh vực tạo ra nguồn thu nhập cho hộ, khi đó sẽ giúp cho hộ tăng khối lượng tài sản lên và khả năng trả nợ vay cũng tăng lên.

Thứ năm, hộ nuôi tôm cần bố trí và đưa nguồn vốn vay vào đúng mục đích nuôi tôm theo như hồ sơ vay đã được duyệt, tránh tình trạng sử dụng nguồn vốn vay vào việc khác như tiêu xài hay mua sắm

những trang thiết bị, tài sản khác không phục vụ cho sản xuất tôm, dẫn đến làm tăng chi phí và không đem lại lợi nhuận cho hộ. Bên cạnh đó, các cán bộ tín dụng cần giám sát và hỗ trợ tư vấn kỹ cho các hộ về việc sử dụng vốn cho đúng mục đích và hiệu quả nhất. Đồng thời, các hộ nuôi tôm cần xem xét và quản lý thật chặt chẽ về nguồn vốn vay cho từng mục đích sản xuất cụ thể, nhằm giảm chi phí sử dụng vốn và đem lại lợi nhuận cao, góp phần nâng cao khả năng trả nợ vay ngân hàng cho các hộ nuôi tôm.

Thứ sáu, hộ nuôi tôm cần phát huy thế mạnh về kinh nghiệm nuôi hiện có, đồng thời thường xuyên trao đổi kinh nghiệm và học hỏi với những hộ nuôi thành công hơn, để có phương hướng cũng như cách thức nuôi hợp lý, từ đó hiệu quả sản xuất được nâng cao, giúp cải thiện thu nhập và nâng cao khả năng trả nợ vay đúng hạn. Bên cạnh đó, các hộ nuôi tôm thường xuyên tham gia các lớp tập huấn hỗ trợ kỹ thuật do các cơ quan chuyên môn và các chuyên gia trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản tổ chức, nhằm nâng cao kỹ thuật nuôi và học hỏi, tích lũy được nhiều kinh nghiệm hơn, giúp cho hộ nuôi tôm đạt hiệu quả cao từ số lượng đến chất lượng, nhằm góp phần nâng cao thu nhập và khả năng trả nợ vay đúng hạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Afolabi, J. A. (2010). Analysis of Loan Repayment among Small Scale Farmers in Oyo State, Nigeria, *Journal of Social Sciences*, 22(2), 115-119.
<https://doi.org/10.1080/09718923.2010.11892791>
- Heckman, J. J. (1979). Sample Selection Bias as a Specification Error. *Econometrica: Journal of the Econometric Society*, 153-161.
<https://doi.org/10.2307/1912352>
- Kim, Y. C. (1978). Factors Affecting Repayment Performance on Small Farms: A South Korean Case. *Journal of Rural Development*.
- Lộc, T. Đ., & Bình, N. T. (2011). Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 64, 3-7.
- Nghi, N. Q. (2013). Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Công nghệ*, 4(9), 85-91.
- Oke, J. T. O., Adeyemo, R., & Agbonlahor, M. U. (2007). An Empirical Analysis of Microcredit Repayment in Southwestern Nigeria. *Humanity & Social Sciences Journal*, 2(1), 63-74.
- Oánh, N. Q., & Dung, P. T. M. (2010). Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ nông dân: Trường hợp nghiên cứu ở vùng cận ngoại thành Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 8(1), 170 - 177.
- Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (1996). *Using Multivariate Statistics* (3rd ed.). New York: Harper Collins.
- Trình, B. V., & Kỳ, N. T. (2012). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc trả nợ vay đúng hạn của nông hộ tại Thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học*, 3, 110.